

Bản án số: 217/2024/DS-PT

Ngày: 08/5/2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Lê Thành N, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Đoàn Hùng C, sinh năm 1963 (Vắng mặt) và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1971; Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn- Luật sư Đỗ Duy H- Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Quý tín dụng nhân dân T2; địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Tạ Trần K - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Vắng mặt.

2. Chị Đoàn Thị Hồng N2, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

3. Anh Đoàn Trung K1, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; hiện cư trú tại Nhật Bản. Vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1974; Ông Nguyễn Hùng T sinh năm 1972.
Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số F, ngõ B, đường Q, tổ A, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam;

* **Người làm chứng:** Ông Đoàn Hồng N3, sinh năm 1965; thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2012, ông Lê Minh T1 và bà Phạm Thị L được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 01, diện tích 132m² đất thổ cư, ở thôn L, xã T, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam; nguồn gốc đất được hợp pháp hóa theo Kế hoạch 566 của UBND tỉnh H. Từ khi được cấp đất gia đình ông T1 vẫn để nguyên không xây tường bao. Năm 2016, ông T1 và bà L tặng cho anh Lê Thành N (con trai) toàn bộ diện tích 132m² đất. Ngày 28/8/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2939/QĐ-UBND thu hồi 3,6m² đối với thửa đất của anh Lê Thành N để làm đường giao thông. Vì vậy, diện tích còn lại là 128,4m².

Ngày 17/4/2021, anh N ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho bà Phạm Thị X tại Văn phòng C3. Khi làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ cho bà X, Chi nhánh Văn phòng đất đai thành phố P tiến hành đo đạc thửa đất và phát hiện hộ ông Đoàn Văn C1 và bà Nguyễn Thị N1 xây tường bao lấn sang thửa đất của anh N khoảng 40m². Vì vậy, bà X không làm được GCNQSDĐ. Anh N đã gửi đơn đến UBND xã T để giải quyết nhưng không có kết quả. Nay, anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Đoàn Hùng C, bà Nguyễn Thị N1 tháo dỡ tường bao, trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng tọa độ đã được cấp tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01, thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Đoàn Thị Hồng N2) cùng xác định: Hộ gia đình ông Đoàn Hùng C sinh sống trên mảnh đất từ năm 1991 và có nguồn gốc là vùng đất trũng; gia đình có ký hợp đồng thuê khoán với Hợp tác xã Nông nghiệp và UBND xã T để làm mô hình đa canh. Sau đó, địa phương có chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thực hiện phương án cấp đất giãn dân nên hộ gia đình ông C được cấp diện tích 304m² đất thổ cư tại nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài, Nhà nước giao đất có thu tiền sử

dụng đất tại thửa số 12, tờ bản đồ 01, diện tích 304m², địa chỉ thôn L, xã T, thành phố P và đo đạc giao mốc giới bằng thước dây của Cán bộ địa chính. Sau khi nhận đất, gia đình ông C đã trồng cây xoan nâu hướng Tây và xây tường bao, xây gian bếp phía Đông; từ khi xây tường bao và gian bếp gia đình ông T1 có biết, không có ý kiến gì, mấy chục năm gia đình ông C vẫn sống yên ổn không có tranh chấp với ai.

Thửa đất nhà anh N thiếu diện tích so với GCNQSDĐ là do sai tọa độ, tất cả 06 nhà cùng dãy hướng Bắc đều sai tọa độ, đất nhà anh N hiện đang chồng sang đất nhà ông C và đất nhà ông C chồng sang giữa lối đi nhà ông Đoàn Hồng P (hàng xóm). UBND xã T đã có tờ trình gửi UBND thành phố Phủ Lý giải quyết từ năm 2018 nhưng đến nay chưa có kết quả. Nay, anh N khởi kiện đòi lại diện tích khoảng 40m², gia đình ông C, bà N1 không nhất trí. Đối với anh Đoàn Trung K1 (con ông C, bà N1) nhất trí quan điểm của ông C, bà N1; do điều kiện anh đang làm việc ở Nhật Bản, không về giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị X) trình bày: Việc gia đình bà X mua bán đất với anh N hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên bà X yêu cầu vợ chồng ông C, bà N1 trả lại diện tích gần 40m² cho gia đình anh N để anh N hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị X.

Đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân T3 xác định: Ngày 10/01/2022, Quỹ tín dụng nhân dân T3 có cho vợ chồng ông Đoàn Hùng C, bà Nguyễn Thị N1 vay số tiền 250.000.000 đồng; thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 10/01/2022 và vợ chồng ông C, bà N1 thế chấp GCNQSDĐ số BI 103831 do UBND huyện D cấp ngày 07/5/2012. Đến nay, gia đình ông Đoàn Hùng C đã tất toán hết số tiền vay và trả lại hộ gia đình ông Đoàn Hùng C GCNQSDĐ theo quy định; đồng thời xin được vắng mặt trong tất cả các hoạt động tố tụng của Tòa án.

Quan điểm của người làm chứng (ông Đoàn Hồng N3) xác định: Năm 1989, ông N3 ra khu đất giáp nhà ông C ở; về mốc giới nhà ông C từ phía Tây cây xoan nâu và cây xoan do ông C trồng từ khi mới ra ở, hiện tại vẫn còn, phía Đông có bờ tường xây đã lâu. Khi địa chính huyện D làm tọa độ không báo gọi các hộ dân ra nhận mốc giới.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cụ thể như sau:

Diện tích 37m² đất tranh chấp có trị giá 1.950.000 đồng/m² thành tiền là 72.150.000 đồng.

Tài sản tại vị trí đất tranh chấp có: Bếp đã cũ trị giá 18.134.000 đồng và tường rào gạch xi trị giá 4.756.000 đồng.

Toà án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều không thoả thuận giải quyết vụ án được và đề nghị Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 144, 146, 147, 157, 165, 184, 185, 186, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 155, các Điều 158, 163, 164, 166, 175, 176, 579 và 580 của Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành N.

- Xác định phần diện tích 37m² đất thổ cư có tranh chấp mà hộ ông Đoàn Hùng C, bà Nguyễn Thị N1 đang sử dụng thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện D (Nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam cấp GCNQSDĐ số BI 103857 ngày 13/7/2012 mang tên hộ ông Lê Minh T1, bà Phạm Thị L và được tặng cho ông Lê Thành N ngày 27/6/2016 là chủ sử dụng hợp pháp.

- Buộc hộ ông Đoàn Hùng C, bà Nguyễn Thị N1 phải tháo dỡ bức tường rào đã xây bằng gạch xi dài 15m và di chuyển 01 bếp cũ có diện tích 10,4m² để trả lại mặt bằng diện tích 37m² đất ở thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam cho anh Lê Thành N; cụ thể các cạnh như sau: Phía Bắc dài 3,96m, phía Nam dài 3,57m, phía Tây dài 10,01m, phía Đông dài 9,75m (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về thi hành án, chi phí thẩm định, định giá, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2023, bị đơn ông Đoàn Hùng C và bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm

Bà Nguyễn Thị N1 giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm và các phiên tòa trước, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư và bà N1 đều có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng vì không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào xem xét: ông P có ngõ đi chung, ông N3, Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân thành phố P. Sai lầm trong đánh giá chứng cứ đó là chưa xem xét ranh giới mốc giới tường bao đã tồn tại từ lâu. Ủy ban nhân dân xã T có tờ trình năm 2018 đề nghị xem xét chôn lấn, chưa xem xét tờ trình này đã được giải quyết hay chưa giải quyết.

Nếu trả cho ông N 37 m thì nhà ông C bị thiếu gần 20m.

Điều kiện thụ lý là hoà giải trước khi thụ lý nhưng chỉ có bà X là người liên quan tham gia hoà giải mà nguyên đơn chưa hoà giải với bị đơn.

Nguyên đơn anh Lê Thành N giữ nguyên ý kiến không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào.

Bà X ông T vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Lời trình bày tại các phiên tòa trước đều xác định Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C bà N1 phải di dời tài sản trên đất, trả lại đất lấn chiếm cho ông N là đúng. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, hình thức đơn phù hợp, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, tuy nhiên tài liệu chứng cứ bị đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết mới. Trên cơ sở xem xét thẩm định đo vẽ, diện tích nhà ông C thừa hơn nhiều so với diện tích đất được cấp, có phần lấn sang nhà anh N. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án đương sự (anh Đoàn Trung K1) đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn: Bị đơn kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xem xét đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2.1] Bị đơn và Luật sư cho rằng, cần phải huỷ bản án sơ thẩm vì: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng và thiếu sót trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, đánh giá chứng cứ. Xét các ý kiến này, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: vụ án không có yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những người bên phía bị đơn đề nghị đưa tham gia tố tụng, cũng đã được lấy ý kiến. Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập đã đầy đủ nên không cần đưa những người bị đơn nêu tên tham gia tố tụng. Về thủ tục hoà giải, mâu chốt vấn đề là để các bên đương sự có thể thống nhất trong nhận thức, không cần phải khởi kiện ra Tòa án, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Trong vụ án, ông N và bà X đều đề nghị hoà giải, tuy nhiên theo hướng dẫn của chính quyền địa phương nên bà X thay mặt ông N trực tiếp tham gia hoà giải. Và thực tế là bà X đã mua đất của anh N, quyền lợi của các bên đương sự đều đã được bảo đảm. Đến phiên toà phúc thẩm các bên đương sự vẫn không thể hoà giải được. Do đó thủ tục hoà giải trước khi khởi kiện đã đầy đủ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Đoàn Hùng C, bà Nguyễn Thị N1 tháo dỡ tường bao, trả lại diện tích đất lấn chiếm, theo đúng tọa độ đã được cấp tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01, thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vụ án không có yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố.

[2.3] Xét về nguồn gốc đất của các bên đương sự: Nguồn gốc ban đầu, diện tích đất của các đương sự đều được UBND huyện D giao (nay thửa đất thuộc địa giới hành chính của UBND thành phố P) và đã cấp GCNQSDĐ.

Ông T1 và bà L là bố mẹ nguyên đơn được cấp đất tại thửa số 14, tờ bản đồ 01, diện tích 132m² đất thổ cư và giữ nguyên hiện trạng, không xây tường bao. Đến năm 2016, ông T1 và bà L tặng cho nguyên đơn (anh Lê Thành N) toàn bộ thửa đất số 14, tờ bản đồ số 1, diện tích 132m² đứng tên anh Lê Thành N. Ngày 28/8/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2939/QĐ-UBND thu hồi 3,6m² đối với thửa đất đứng tên anh N để làm đường giao thông. Vì vậy, diện tích

còn lại là 128,4m². Ngày 17/4/2021, anh Lê Thành N chuyển nhượng toàn bộ diện tích 128,4m² đất cho bà Phạm Thị X; quá trình chuyển nhượng hai bên phát hiện diện tích đất bị thiếu khoảng 40m². Anh N xác định đất do hộ ông C, bà N1 lấn.

Hộ ông Đoàn Hùng C được UBND huyện D (Cũ) cấp GCNQSDĐ tại thửa số 12, tờ bản đồ số 1, diện tích 304m² đất thổ cư. Ngày 28/8/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2938/QĐ-UBND thu hồi 88,8m² đất thổ cư đối với thửa đất đứng tên hộ ông C để làm đường giao thông. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất của hộ ông Đoàn Hùng C, bà Nguyễn Thị N1 chỉ còn lại là 216m². Tuy nhiên diện tích thực tế bị đơn sử dụng là 454 m², trừ đi 88m² lấy làm đường, thực tế nguyên đơn sử dụng là 366 m². Như vậy diện tích bị đơn sử dụng đang thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 50 m².

[2.4] Xét yêu cầu trả lại đất của nguyên đơn và quyết định của Toà án cấp sơ thẩm: Như đã phân tích ở mục [2.2], đất của nguyên đơn bị thiếu gần 40 m². Đất bị đơn sử dụng thừa ra 50 m². Theo biên bản xem xét thẩm định và sơ đồ đo vẽ tọa độ: hộ ông Đoàn Hùng C đã lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Lê Minh T1 (nay là anh Lê Thành N) với diện tích 37m² (trị giá 72.150.000 đồng); cụ thể các cạnh như sau: Phía Bắc dài 3,96m, phía Nam dài 3,57m, phía Tây dài 10,01m, phía Đông dài 9,75m. Trên phần diện tích 37m² lấn sang nhà ông N, hộ ông Đoàn Hùng C đã xây dựng 01 tường rào gạch xi dài 15m; 01 bếp cũ rộng 10,4m².

Bị đơn và Luật sư cho rằng cơ quan có thẩm quyền cấp chồng lấn giữa 06 hộ liền kề và UBND xã T có tờ trình đề nghị xem xét đo vẽ lại diện tích của các hộ dân vì có sự chồng lấn, nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Theo kết quả trả lời của UBND thành phố P: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các hộ dân là không có sự chồng lấn về ranh giới tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất của các hộ có sự chồng lấn. Hộ ông C lấn sang hộ ông N 37 m², còn hơn 4m² do phía sau đất nhà ông N là ao nên có sự sạt lở xuống ao”*. *“Căn cứ quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thì phần diện tích của 02 thửa đất (gồm thửa đất số 14, tờ bản đồ số 1 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố P thì phần diện tích của hai thửa đất (gồm: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 1 của ông Lê Minh T1 và Bà Phạm Thị L (nay là hộ ông Lê Thành N) và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 1 của ông Phạm Hùng C2 và bà Nguyễn Thị N1) bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Đ”*. *“Hiện tại ngày 28/3/2024,*

Hội đồng bồi thường GPMB thành hồ đã họp hội đồng để triển khai các bước lập phương án thu hồi, giải phóng mặt bằng và sẽ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng để bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có tất cả 6 hộ dân liền kề với đất của ông C2 và ông N). Chính vì vậy, Tờ trình số 07/TTr- UBND ngày 7/5/2018 của UBND xã T, thành phố P không cần xem xét giải quyết”.

Như vậy, có sự chông lẩn do các hộ dân tự lẩn chứ không phải do quá trình Ủy ban cấp đất, Tờ trình của UBND xã T không cần xem xét giải quyết. Đất các bên sử dụng, tranh chấp đã có quy hoạch dự án; có kế hoạch thu hồi đất; Ủy ban nhân dân thành phố P xác định sẽ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bồi thường cho các hộ dân. Nên mặc dù diện tích đất trên thực tế các hộ dân sử dụng, có thể thiếu hoặc thừa thì quyền lợi của các hộ dân được vẫn được đảm bảo. Tuy nhiên kể cả không xét đến yếu tố Ủy ban thu hồi đất và bồi thường theo diện tích đất ghi nhận trên giấy chứng nhận; quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lại nguyên đơn 37m² đất lấn chiếm, theo sơ đồ đo vẽ thẩm định là có căn cứ.

Trên phần đất lấn sang có 01 tường rào xây gạch xi dài 15m và 01 bếp cũ diện tích 10,4m² do hộ ông C2 xây dựng, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn di dời các tài sản để trả lại đất cho bị đơn là có căn cứ.

[2.5] Đối với Hợp đồng tín dụng vay tiền ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa bà Nguyễn Thị N1 và ông Đoàn Hùng C với Quỹ tín dụng nhân dân T3 đến nay đã được tất toán; gia đình ông C, bà N1 nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] Về các vấn đề khác: bản án sơ thẩm quyết định các vấn đề khác đã phù hợp với quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, ông C được miễn án phí do là người già, bà N1 phải chịu 300.000 đ án phí dân sự phúc thẩm, do ông C nộp thay nên trừ vào khoản tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Hùng C và bà Nguyễn Thị N1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

[2]. Về án phí: Ông C được miễn án phí, bà N1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đ ông C nộp thay tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002526 ngày 27/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến